TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ViỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 547/2021/HS-ST
Ngày: 28/12/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, TP.HCM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đỗ Thị Thùy Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Vinh;

2. Bà Nguyễn Thị Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Linh – Thư ký

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: ông Lê Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 488/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 627/2021/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2021 và thông báo dời phiên tòa số 394/2021/HSST-TB ngày 21 tháng 12 năm 2021, đối với bị cáo:

1/ Ngô Xuân Th; Sinh năm 1987; tại Hải Phòng; Thường trú: xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Văn Ph; và bà: Phạm Thị L; có vợ 02 con, lớn nhất sinh năm 2012 nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt)

2/ Nguyễn Đức S; sinh năm: 1988 tại Hải Phòng; Thường trú: xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đức H; và bà: Nguyễn Thị T; có vợ 01 con, sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Lê Bảo A, sinh năm 1990

Địa chỉ: phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Chị Lê Thị Bích Th, sinh năm 1990

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

3/ Chị Phạm Thị Ng, sinh năm 1979

Địa chỉ: Hóa An, Biên Hòa, Đồng Nai

4/ Chị Võ Nguyễn Diễm Th, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ehome 4, phường Vĩnh Phú, Thận An, tỉnh Bình Dương

5/ Chị Đỗ Thị Tr, sinh năm 1995

Địa chỉ: Nam Trung, Tiền Hải, Thái Bình

6/ Chị Huỳnh Quốc Th, sinh năm 1980

Địa chỉ: 143 An Thạnh 22, khu phố Thạnh Lợi, phường An Thạnh, thành phố Thận An, tỉnh Bình Dương

7/ Chị Phạm Th Tr, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Đường Phạm Văn Đồng, phường Linh Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

8/ Chị Hồ Xuân M, sinh năm 1988

Địa chỉ: phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

9/ Chị Đinh Thị Thùyùy V, sinh năm 1993

Địa chỉ: khu phố Bình Chánh, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

10/Chị Mai Thị H - sinh năm:1970;

Địa chỉ: xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

11/ Chị Lê Thị Vy V- sinh năm:1985;

Địa chỉ: phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

12/ Anh Nguyễn Văn Th- sinh năm: 1970;

Địa chỉ: xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

13/ Anh Nguyễn Quốc V- sinh năm: 1993;

Địa chỉ: thị trần Ninh Hòa, Thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

14/ Chị Trần Thị Bích Ng- sinh năm: 1979;

Địa chỉ: phường Phước Hòa, thành phố Nha Tr, tỉnh Khánh Hòa.

15/ Chị Nguyễn Thị Phương Th; sinh năm: 1990

Địa chỉ: xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

(Tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 20/8/2020, Tổ tuần tra Hình sự Đặc nhiệm Công an Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tuần tra đến trước địa chỉ số 714, đường song hành Xa Lộ Hà Nội, phường Hiệp Phú, phát hiện Ngô Xuân Th và Nguyễn Đức S đi chung trên 01 xe môtô hiệu Honda Air Blade biển số 15C1- 411.79 có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra, phát hiện trong cốp xe của hai thanh niên có một giấy biên nhận nhận tiền do chị Lê Thị Bích Th viết với nội dung vay số tiền 10.000.000 (mười triệu đồng) của một người tên Nguyễn Toàn Thắng. Nghi ngờ hai thanh niên trên hoạt động cho vay lãi nặng trên địa bàn nên Tổ tuần tra đã mời các đối tượng trên về Công an phường Hiệp Phú để làm việc.

Qua làm việc, Ngô Xuân Th và Nguyễn Đức S cùng tạm trú tại phòng A11-18 chung cư Flora Lovia, đường Phạm Văn Đồng, phường Linh Tây, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thừa nhận đã bắt đầu thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng trên địa bàn Quận 9 từ khoảng tháng 02/2020 đến nay. Hình thức là cho vay tiền góp, cụ thể người vay tiền sẽ góp cả gốc lẫn lãi đóng theo ngày. Khi cho người khác vay tiền, Th đứng ra làm giấy cho vay nhưng lấy tên giả là Nguyễn Toàn Thắng, hoặc ghi tên Công ty CPHD để đối phó với cơ quan chức năng. Khách hàng vay tiền, thường phải chịu phí dịch vụ tính theo % trên tổng số tiền vay và phải đóng trước tiền góp từ 01 đến 02 ngày. Cụ thể từ khoảng giữa tháng 02/2020 đến ngày 20/8/2020, Th và S có cho anh Lê Bảo A vay tiền 07 lần như sau:

Lần thứ nhất: khoảng giữa tháng 02/2020 (không nhớ chính xác ngày), Xuân Th cho anh Lê Bảo A vay số tiền 30.000.000 đồng trong thời hạn 25 ngày, mỗi ngày anh Lê Bảo A góp cho Th 1.500.000 đồng, số tiền lãi Th trong 25 ngày là 7.500.000 đồng, (01) ngày anh Lê Bảo A phải trả tiền lãi là 300.000 đồng, tương đương 1%/ngày. 30%/tháng. 360%/năm, gấp 18 lần so với mức cao nhất trong giao dịch dân sự mà Nhà nước quy định), số tiền phí dịch vụ là 1.500.000 đồng, số tiền lãi pháp luật cho phép là 416.500 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính theo công thức (Số tiền lãi đã Th + số tiền phí dịch vụ - số tiền lãi pháp luật cho phép = số tiền lãi thu lợi bất chính): (7.500.000 đồng + 1.500.000 đồng - 416.500 đồng = 8.583.500 đồng).

Lần thứ hai: Vào ngày 10/3/2020, Th tiếp tục cho anh Lê Bảo A vay số tiền 30.000.000 đồng, với hình thức trả góp như trên. Do lần 1 Bảo A còn 05 ngày chưa góp là 7.500.000 đồng; Th Th trước tiền góp 01 ngày 1.500.000 đồng. Do đó lần này Th chỉ đưa cho Bảo A số tiền 21.000.000 đồng. Anh Lê Bảo A góp được 22 ngày, 03 ngày chưa góp còn lại được trừ vào kỳ vay sau. Theo cách tính (Số tiền lãi đã Th - số tiền lãi pháp luật cho phép = số tiền lãi thu lợi bất chính): số tiền lãi thu lợi bất chính số tiền là (7.500.000 đồng - 416.500 đồng = 7.083.500 đồng).

Lần thứ ba: Khoảng giữa tháng 3/2020, anh Lê Bảo A vay của Th số tiền 60.000.000 đồng, với hình thức trả góp như trên. Lần này do không đủ tiền nên Th rủ S hùn tiền cùng Th cho anh Lê Bảo A vay. S đồng ý và góp 20.000.000 đồng,

riêng Th 40.000.000 đồng để cho Bảo A vay. Mỗi ngày Bảo A phải góp cho Th và S 3.000.000 đồng, thời hạn góp là 25 ngày. Th phí 1.500.000 đồng và Th trước 01 ngày góp là 3.000.000 đồng. Do Bảo A còn nợ Th số tiền 4.500.000 đồng ở lần vay thứ 2, nên trừ các khoản trên Th và S chỉ đưa cho Bảo A 51.000.000 đồng. Đến ngày 21/4/2020, anh Lê Bảo A đã trả hết cho Th và S. Theo cách tính trên, số tiền lãi thu lợi bất chính là 15.667.000 đồng.

Lần thứ tư: Ngày 07/5/2020, anh Lê Bảo A vay số tiền 100.000.000 đồng, Th và S hùn mỗi người 50.000.000 đồng, thời hạn trả góp 25 ngày, mỗi ngày góp 5.000.000 đồng. Th phí 5.000.000 đồng và Th trước 02 ngày tiền góp 10.000.000 đồng. Do đó anh Lê Bảo A chỉ nhận từ Th, S 85.000.000 đồng. Sau đó anh Lê Bảo A góp được 15 ngày với số tiền 75.000.000 đồng, còn lại 10 ngày chưa góp với số tiền 50.000.000 đồng được trừ vào số tiền vay kỳ sau. Theo cách tính trên, số tiền lãi thu lợi bất chính là 23.611.667 đồng.

Lần thứ năm: Ngày 29/5/2020, Th, S hùn mỗi người 50.000.000 đồng để cho Bảo A vay số tiền 100.000.000 đồng, với hình thức trả góp như trên. Do anh Lê Bảo A còn nợ 50.000.000 đồng ở lần vay trước, Th trước tiên góp 02 ngày là 10.000.000 đồng. Trừ hai khoản trên nên Bảo A chỉ nhận được 40.000.000 đồng. Bảo A góp được 15 ngày với số tiền 75.000.000 đồng, còn lại 10 ngày chưa góp với số tiền 50.000.000 đồng, được trừ vào số tiền vay kỳ sau. Theo cách tính trên, số tiền lãi thu lợi bất chính là 23.611.667 đồng.

Lần thứ sáu, ngày 17/6/2020, Th, S hùn mỗi người 50.000.000 đồng để cho anh Lê Bảo A vay số tiền 100.000.000 đồng, với hình thức trả góp như trên, do Bảo A còn nợ 50.000.000 đồng ở lần vay trước, Th trước tiền góp 02 ngày là 10.000.000 đồng. Trừ hai khoản trên nên Bảo A chỉ nhận được 40.000.000 đồng. Anh Lê Bảo A góp được 20 ngày với số tiền 100.000.000 đồng, còn lại 05 ngày với số tiền 25.000.000 đồng, được trừ vào số tiền vay kỳ sau. Theo cách tính trên, số tiền lãi thu lợi bất chính là 23.611.677 đồng.

Lần thứ bảy: khoảng giữa tháng 7/2020, Th, S tiếp tục hùn mỗi người 50.000.000 đồng để cho anh Lê Bảo A vay số tiền 100.000.000 đồng, với hình thức trả góp như trên. Do Bảo A còn nợ 25.000.000 đồng ở lần vay trước, Th trước tiền góp 02 ngày là 10.000.000 đồng. Trừ hai khoản trên nên Bảo A chỉ nhận được 65.000.000 đồng. Bảo A góp được 07 ngày với số tiền 35.000.000 đồng, thì không còn khả năng góp nữa. Theo cách tính trên, số tiền lãi thu lợi bất chính là 8.500.200 đồng.

+ Ngô Xuân Th còn cho một số người khác vay tiền, cụ thể như sau:

Ngày 17/8/2020, Th cho chị Lê Thị Bích Th vay 10.000.000 đồng, chị Bích Th trả góp trong thời hạn 12 ngày, mỗi ngày chị Bích Th phải trả góp cho Th 1.000.000 đồng. Khi giao tiền cho chị Bích Th, Th trừ đi 1.000.000 đồng tiền dịch vụ, trừ trước tiền 02 ngày góp là 2.000.000 đồng nên chị Bích Th chỉ nhận được 7.000.000 đồng. Lãi suất vay là 600%năm (gấp 30 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Nhà nước quy định). Chị Bích Th đã góp xong, Th Th lãi được 2.000.000 đồng và 1.000.000 đồng tiền phí dịch vụ. Theo cách tính trên, số tiền lãi thu lợi bất chính là 2.925.360 đồng.

Ngày 25/4/2020, Th cho chị Phạm Thị Ng vay 20.000.000 đồng, chị Ng trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày chị Ng phải trả cho Th 1.000.000 đồng. Lãi suất vay là 360%/năm (gấp 18 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Nhà nước quy định). Chị Ng đã góp 25 ngày và số tiền trên cho Th, Theo cách tính trên, số tiền lãi thu lợi bất chính là 4.722.333 đồng.

Ngày 10/8/2020, Th cho chị Võ Nguyễn Diễm Th vay 15.000.000 đồng, chị Thúy trả góp trong 27 ngày, mỗi ngày chị Thúy phải trả cho Th 600.000 đồng. Lãi suất vay là 106%năm (gấp 2,3 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Nhà nước quy định). Th trừ đi trước hai ngày góp là 1.200.000 đồng nên đưa cho chị Thúy 13.800.000 đồng chị Thúy đã góp 7 ngày cho Th. Theo cách tính trên, số tiền lãi thu lợi bất chính là 1.735.653 đồng.

Ngày 10/8/2020 Th cho Đỗ Thị Tr vay 20.000.000 đồng, chị Tr trả góp 22 ngày, mỗi ngày góp 1.000.000 đồng, chị Tr đã góp 22 ngày. Lãi suất vay là 163%/năm (gấp 8,1 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Nhà nước quy định); Theo cách tính trên, số tiền lãi thu lợi bất chính là 949.590 đồng.

Th cho chị Nguyễn Thị Kim Th vay 5.000.000 đồng và Nguyễn Thị H vay 20.000.000 nhưng do quen biết nên không tính lãi nên không xác định được số tiền thu lợi bất chính.

+ Nguyễn Đức S còn cho một số người khác vay tiền, cụ thể như sau:

Ngày 24/7/2020, Nguyễn Đức S cho chị Huỳnh Quốc Th vay 100.000.000 đồng với hình thức trả góp trong thời hạn 40 ngày mỗi ngày chị Th1 phải góp cho S 3.000.000 đồng. Khi giao tiền cho chị Th1, S trừ đi phí dịch vụ là 1.000.000 đồng, trừ trước tiền 02 ngày góp là 6.000.000 đồng nên S chỉ đưa cho chị Th1 93.000.000 đồng. Lãi suất vay là 180%/năm (gấp 9 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Nhà nước quy định), chị Th1 đã góp 40 ngày. Theo cách tính trên, số tiền lãi thu lợi bất chính là 18.778.667 đồng.

Ngoài ra, S còn cho chị Hồ Thị Xuân M, chị Đinh Thị Thùy V vay tiền nhưng không nhớ cách tính lãi. Qua xác minh, không xác định được nhân thân lại lịch của chị M, chị V nên không làm việc được nên không có căn cứ xử lý.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức Ngô Xuân Th, Nguyễn Đức S khai nhận hành vi phạm tội như trên phù hợp với tài liệu chứng cứ được Th giữ.

Vật chứng vụ án :

- Th giữ của Ngô Xuân Th:

01 giấy biên nhận nhận tiền, người nhận tiền của Lê Thị Bích Th;

01 giấy vay tiền của Phạm Thị Ng;

01 giấy biên nhận nhận tiền của chị Võ Nguyễn Diễm Th;

01 giấy biên nhận nhận tiền của chị Trần Thị Bích Ngọc;

01 giấy biên nhận nhận tiền của chị Nguyễn Thị H (tất cả giấy biên nhận tiền được kèm trong hồ sơ).

01 xe môtô hiệu Honda Air Blade biển số 15C1 - 411.79 qua xác minh xe trên do chị Phạm Th Tr (vợ của Ngô Xuân Th) đứng tên chủ sở hữu;

01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 15C1 - 411.79 tên Phạm Th Tr;

01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Mi 8 màu đen;

01 chứng minh nhân dân số 271183218 tên Nguyễn Văn Thịnh;

01 chứng minh nhân dân số 225651101 tên Lê Quốc Việt;

01 giấy chứng minh nhân dân số 152035478 tên Đỗ Thị Tr;

01 giấy phép lái xe số Y551991 tên Võ Nguyễn Diễm Th;

01 giấy phép lái xe số 791148429461 tên Nguyễn Thị Kim Th;

Tiền Việt Nam 25.074.000 đồng.

01 chứng minh nhân dân số 031553200 tên Ngô Xuân Th;

01 giấy phép lái xe hạng Ai tên Ngô Xuân Th;

01 giấy phép lái xe hạng B2 tên Ngô Xuân Th;

01 thẻ ATM do Ng hàng Vietcombank cấp cho Ngô Xuân Th;

01 thẻ ATM do Ng hàng Viettinbank cấp cho Ngô Xuân Th;

01 thẻ ATM do Ng hàng Sacombank cấp cho Ngô Xuân Th

- Th giữ của Nguyễn Đức S:

01 giấy biên nhận nhận tiền của chị Huỳnh Quốc Th;

01 giấy biên nhận nhận tiền của chị Hồ Thị Xuân Mai

01 giấy biên nhận nhận tiền của chị Đinh Thị Thùy Vương (tất cả giấy này đã thể hiện trong hồ sơ).

01 chứng minh nhân dân số 271568854 tên Nguyễn Văn T;

01 chứng minh nhân dân số 183931552 tên Nguyễn Thị Phương Th2;

01 chứng minh nhân dân số 173818719 tên Đàm Thị H;

01 thẻ căn cước công dân số 038187007815 tên Dương Thị Ng;

01 thẻ căn cước công dân số 079170000918 tên Mai Thị H;

01 thẻ căn cước công dân số 051185000751 tên Lê Thị Vy V.

01 điện thoại iphone 6s màu trắng;

01 điện thoại Nokia màu đen;

Số tiền 8.000.000 đồng;

01 chứng minh nhân dân tên Nguyễn Đức S

Trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi,nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo trả lại tiền lãi đã thu lợi bất chính.

[2] Bản Cáo trạng số 380/CT-VKSTPTĐ ngày 12/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức truy tố các bị cáo Ngô Xuân Th, Nguyễn Đức S về tội tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Ngô Xuân Th, Nguyễn Đức S phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và Thộc trường hợp nghiêm trọng.

Đề nghị xử phạt bị cáo Th, bị cáo S mỗi bị cáo từ 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) đến 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Buộc các bị cáo nộp lại số tiền gốc đã cho vay là công cụ phạm tội để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Buộc các bị cáo nộp số tiền lãi Th được từ việc cho vay với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

Đối với số tiền lãi suất vượt mức quy định của pháp luật và tiền phí dịch vụ, theo quy định phải trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên trong vụ án này người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu các bị cáo trả lại, do đó không buộc các bị cáo phải nộp lại để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo không tranh luận và bào chữa

Các bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo S và bị cáo Th đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Ngô Xuân Th và Nguyễn Đức S phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng và các tài liệu chứng cứ đã Th thập được, có căn cứ xác định từ tháng 02 năm 2020 đến ngày 20/8/2020, Ngô Xuân Th, Nguyễn Đức S đã cho người khác vay trả góp với lãi suất vượt mức trên 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự mà Nhà nước quy định. Th, S cho Lê Bảo A liên tục 05 lần vay tiền, Th, S thu lợi bất chính là 95.002.200 đồng và phí dịch vụ 1.500.000 đồng. Ngoài ra Th cho Lê Bảo A vay 02 lần với lãi suất gấp 18 lần, thu lợi bất chính 15.667.000 đồng và phí dịch vụ 1.500.000 đồng; Th cho chị Lê Thị Bích Th vay 01 lần với lãi suất gấp 29,89 lần, thu lợi bất chính 2.925.360 đồng, phí dịch vụ 1.000.000 đồng, Th cho chị Phạm Thị Ng vay 01 lần với lãi suất gấp 18 lần, thu lợi bất chính 4.722.333

đồng; Th cho chị Võ Nguyễn Diễm Th vay tiền với lãi suất gấp 5,22 lần, thu lợi bất chính 949.560 đồng và cho chị Đỗ Thị Tr vay 20.000.000 đồng lãi suất gấp 8,1 lần, Th lợi bất chính 1.735.653 đồng; Tổng số tiền thu lợi bất chính của Ngô Xuân Th là 121.002.137 đồng; S cho chị Huỳnh Quốc Th vay 01 lần với lãi suất gấp 8,18 lần, thu lợi bất chính 18.778.667 đồng. Tổng cộng số tiền lãi thu lợi bất chính của Nguyễn Đức S là 113.780.867 đồng. Như vậy, có đủ cơ sở pháp lý kết luận các bị cáo Ngô Xuân Th, Nguyễn Đức S đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 .

Các bị cáo Th, S thực hiện nhiều lần hành vi cho vay lãi nặng mà các lần thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000 đồng nhưng tổng số tiền thu lợi bất chính của Ngô Xuân Th là 121.002.137 đồng, của bị cáo Nguyễn Đức S là 113.780.867 đồng, vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với khung hình phạt tương ứng quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Vì động cơ vụ lợi, các bị cáo đã dùng tiền cho người khác vay với lãi suất cao để thu lợi như trên là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến trật tự quản lý Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm lợi ích hợp pháp của công dân và gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương, Vì vậy, cần xử lý các bị cáo bằng hình phạt nghiêm phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của các bị cáo, để giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và nêu gương phòng ngừa chung.

Trong vụ án cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, người vay đã tự nguyện xác lập giao dịch dân sự trái pháp luật, chấp nhận mức lãi suất và số tiền lãi phải trả theo thỏa Thận với người cho vay. Do đó, người vay cũng có một phần lỗi trong giao dịch trên.

[3] Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, lần đầu phạm tội và Thộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra giải quyết vụ án các bị cáo tích cực hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo mà áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng răng đe và giáo dục các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng :

Vật chứng vụ án:

01 giấy biên nhận nhận tiền, người nhận tiền của Lê Thị Bích Th;

01 giấy vay tiền của Phạm Thị Ng;

01 giấy biên nhận nhận tiền của chị Võ Nguyễn Diễm Th;

01 giấy biên nhận nhận tiền của chị Trần Thị Bích Ngọc;

01 giấy biên nhận nhận tiền của chị Nguyễn Thị H

01 giấy biên nhận nhận tiền của chị Huỳnh Quốc Th;

01 giấy biên nhận nhận tiền của chị Hồ Thị Xuân M

01 giấy biên nhận nhận tiền của chị Đinh Thị Thùy V

Tất cả giấy biên nhận tiền là vật chứng của vụ án đã đóng số bút lục do đó tiếp tục được lưu trữ kèm theo hồ sơ vụ án.

- 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Mi 8 màu đen; 01 điện thoại iphone 6s màu trắng; 01 điện thoại Nokia màu đen các bị cáo dùng để liên lạc cho vay là công cụ phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- 01 chứng minh nhân dân số 271183218 tên Nguyễn Văn Thịnh; 01 chứng minh nhân dân số 225651101 tên Lê Quốc Việt; 01 giấy chứng minh nhân dân số 152035478 tên Đỗ Thị Tr; 01 giấy phép lái xe số Y551991 tên Võ Nguyễn Diễm Th; 01 giấy phép lái xe số 791148429461 tên Nguyễn Thị Kim Th; 01 chứng minh nhân dân số 271568854 tên Nguyễn Văn T; 01 chứng minh nhân dân số 183931552 tên Nguyễn Thị Phương Th; 01 chứng minh nhân dân số 173818719 tên Đàm Thị H; 01 thẻ căn cước công dân số 038187007815 tên Dương Thị Ng; 01 thẻ căn cước công dân số 079170000918 tên Mai Thị H; 01 thẻ căn cước công dân số 051185000751 tên Lê Thị Vy V. Giấy tờ tùy thân không liên quan đến vụ án do đó trả lại cho các đương sự có tên nêu trên.

- 01 chứng minh nhân dân số 031553200 tên Ngô Xuân Th; 01 giấy phép lái xe hạng Ai tên Ngô Xuân Th; 01 giấy phép lái xe hạng B2 tên Ngô Xuân Th; 01 thẻ ATM do Ng hàng Vietcombank cấp cho Ngô Xuân Th; 01 thẻ ATM do Ng hàng Viettinbank cấp cho Ngô Xuân Th; 01 thẻ ATM do Ng hàng Sacombank cấp cho Ngô Xuân Th và 01 chứng minh nhân dân tên Nguyễn Đức S. Cơ quan điều tra Công an Thành phố Thủ Đức đã trả lại cho các bị cáo, Hội đồng xét xử ghi nhận.

- 01 xe môtô hiệu Honda Air Blade biển số 15C1 - 411.79 qua xác minh xe trên do chị Phạm Th Tr (vợ của Ngô Xuân Th) đứng tên chủ sở hữu và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 15C1 - 411.79 tên Phạm Thị Tr, chị Tr không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội do đó trả lại cho chị Phạm Thị Tr.

- Về số tiền vốn gốc các bị cáo thực tế sử dụng cho vay, số tiền gốc của bị cáo Th là 108.800.000 đồng, bị cáo S 93.000.000 đồng và số tiền gốc bị cáo Th và bị cáo S hùn chung cho vay 281.000.000 đồng, đây là công cụ phạm tội vì vậy cần buộc các bị cáo nộp lại để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà người phạm tội đã Th của người vay, bị cáo S đã Th 2.221.333 đồng, bị cáo Th đã Th 1.646.563 đồng, bị cáo Th và bị cáo S đã Th 5.497.800 đồng, do đó buộc các bị cáo nộp lại để tịch thu nộp ngân sách.

- Tiền Việt Nam 25.074.000 đồng thu giữ của bị cáo Th và số tiền 8.000.000 đồng thu giữ của bị cáo S, số tiền này không liên quan đến vụ án, Cơ quan Điều tra không chứng minh được đây là tiền các bị cáo Th lợi bất chính mà có, nhưng do các bị cáo phải chịu hình phạt tiền nên số tiền này được tạm giữ để khấu trừ vào tiền gốc và tiền lãi các bị cáo phải nộp.

- Đối với giao dịch lần thứ 7 giữa các bị cáo và anh Lê Bảo A, các bị cáo cho anh Bảo A vay vào tháng 07/2020, mỗi người hùn 50.000.000 đồng để cho anh Lê Bảo A vay số tiền 100.000.000 đồng, với hình thức trả góp như cáo trạng đã nêu. Do Bảo A còn nợ 25.000.000 đồng ở lần vay trước, và các bị cáo Th trước tiền góp 02 ngày là 10.000.000 đồng. Trừ hai khoản trên nên anh Bảo A chỉ nhận được 65.000.000 đồng. Bảo A góp được 07 ngày với số tiền 35.000.000 đồng, thì không còn khả năng góp nữa. Như vậy tổng số tiền anh Bảo A đã góp và trừ trước 02 ngày là 45.000.000 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính 9 ngày là 8.500.200 đồng, tiền gốc đã Th 36.000.000 đồng, anh Bảo A còn nợ tiền gốc 29.000.000 đồng. Anh Bảo A xác nhận tổng số tiền còn nợ hai bị cáo là 90.000.000 đồng, Qua 05 lần cho vay tổng số tiền hai bị cáo đã Th lợi bất chính của anh Lê Bảo A là 96.752.100 đồng. Anh Bảo A yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật để xem xét cho anh Bảo A. Hội đồng xét xử nhận định, theo quy định số tiền Th lợi bất chính và tiền phí dịch vụ các bị cáo phải trả cho anh Lê Bảo A là 96.502.200 đồng, tuy nhiên anh Lê Bảo A chỉ yêu cầu cấn trừ nợ gốc anh Bảo A còn thiếu kỳ vay thứ 7, số tiền còn lại anh Bảo A không yêu cầu các bị cáo trả lại. Do đó Hội đồng xét xử nhận định số tiền gốc anh Bảo A còn nợ kỳ vay thứ 7 là 29.000.000 đồng, thấp hơn số tiền các bị cáo phải trả cho anh Bảo A, do đó chấp nhận yêu cầu của anh Bảo A khấu trừ vào tiền Th lợi bất chính các bị cáo phải trả cho anh Bảo A, trừ vào tiền gốc anh Bảo A còn nợ, số tiền còn lại 67.502.200 đồng anh Bảo A không yêu cầu các bị cáo trả lại do đó Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội thực tế đã Th, gồm tiền lãi vượt mức lãi suất quy định và tiền phí dịch vụ, theo quy định pháp luật phải trả lại cho người vay tiền, tuy nhiên toàn bộ người vay tiền trong vụ án (trừ anh Lê Bảo A) đều xác định do cần tiền nên chấp nhận vay và trả lãi do đó không có yêu cầu các bị cáo trả lại tiền đã vay và tiền lãi, do đó không buộc các bị cáo phải trả lại cho người vay.

[5] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo Ngô Xuân Th và Nguyễn Đức S phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt:

Bị cáo Ngô Xuân Th 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng)

Bị cáo Nguyễn Đức S 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Buộc các bị cáo nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc và sử dụng cho

vay và tiền lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự , cụ thể:

Bị cáo Ngô Xuân Th phải nộp 110.446.563 đồng (một trăm mười triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng)

Bị cáo Nguyễn Đức S phải nộp 95.221.333 đồng (chín mươi lăm triệu hai trăm hai mươi mốt nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Bị cáo Ngô Xuân Th và bị cáo Nguyễn Đức S liên đới nộp 286.497.800 đồng (hai trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm đồng đồng) (trách nhiệm theo phần, mỗi phần 143.248.900 đồng)

+ Tạm giữ số tiền 25.074.000 đồng (hai mươi lăm triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Th và số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) thu giữ của bị cáo S, số tiền này được khấu trừ vào số tiền gốc và số tiền lãi các bị cáo phải nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Mi 8 màu đen (mặt trước màu đen, lưng màu trắng); 01 điện thoại iphone 6s màu trắng (mặt trước màu trắng, lưng màu hồng); 01 điện thoại Nokia màu đen.

+ Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có tên trên giấy tờ gồm: 01 chứng minh nhân dân số 271183218 tên Nguyễn Văn Th; 01 chứng minh nhân dân số 225651101 tên Lê Quốc Việt; 01 giấy chứng minh nhân dân số 152035478 tên Đỗ Thị Tr; 01 giấy phép lái xe số Y551991 tên Võ Nguyễn Diễm Th1; 01 giấy phép lái xe số 791148429461 tên Nguyễn Thị Kim Th; 01 chứng minh nhân dân số 271568854 tên Nguyễn Văn T; 01 chứng minh nhân dân số 183931552 tên Nguyễn Thị Phương Th2; 01 chứng minh nhân dân số 173818719 tên Đàm Thị H; 01 thẻ căn cước công dân số 038187007815 tên Dương Thị Ng; 01 thẻ căn cước công dân số 079170000918 tên Mai Thị H; 01 thẻ căn cước công dân số 051185000751 tên Lê Thị Vy V.

+ Trả lại cho chị Phạm Thị Thùy Tr: 01 xe môtô hiệu Honda Air Blade biển số 15C1 - 411.79 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 15C1 - 411.79 tên Phạm Th Tr.

(Vật chứng tại phiếu nhập kho số NK22/13X ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức và Giấy nộp tiền mặt vào kho bạc nhà nước ngày 07/6/2021)

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt vắng mặt, thời gian kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Bị cáo; NCQLNVLQ
- VKS, CA, Chi cục THA TPTĐ
- Chi cục Thế TPTĐ
- PC27
- VKSND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM
- Lưu HS

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đỗ Thị Thùy Thảo